TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-11-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Liêm;

2. Bà Vương Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương *tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Hường – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 522/2018/TLST-HNGĐ ngày 09/8/2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXX-ST ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn T, sinh năm 1943. Hộ khẩu thường trú: Số 167, tổ 4, khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chổ ở hiện nay: Số 205/30 khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương

2. Bị đơn: Bà Vương Thị L, sinh năm 1943. Hộ khẩu thường trú: Số 167, tổ 4, khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn ông Võ Văn T có mặt. Bị đơn bà Vương Thị L vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn (ông Võ Văn T) trình bày:*

Ông Võ Văn T và bà Vương Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1966, hôn nhân tự nguyện, không tổ chức lễ cưới và không có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương.

Quá trình chung sống ông T, bà L có 08 người con chung, gồm: Võ Duy L, sinh năm 1967; Võ Thị Đài T, sinh năm 1970; Võ Duy T, sinh năm 1972; Võ Duy T, sinh năm 1972; Võ Thị Hồng G, sinh năm 1974; Võ Văn H, sinh năm 1977; Võ Thị Hồng U, sinh năm 1982 và Võ Thị Kiều A, sinh năm 1984.

Ông T, bà L chung sống từ năm 1966 đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà L thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm ông T và vợ chồng đã không chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay, ông T đến sống cùng với con trai, cả hai không quan tâm đến nhau. Nay, ông T thấy vợ chồng đã không chung sống với nhau lâu ngày, tình cảm không còn, nên làm đơn ly hôn với bà L.

- Về con chung: Hiện các con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn (bà Vương Thị L) trình bày:*

Quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để bị đơn bà Vương Thị L thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D có ý kiến:*

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp sơ thẩm.

- Về nội dung: Ông T và bà L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1966, hôn nhân tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Tuy nhiên Theo Điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì hôn nhân của ông T và bà L được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở vì vậy đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Vương Thị L vắng mặt không lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật để bị đơn bà Vương Thị L thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong qúa trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Ngày 02/8/2018, nguyên đơn ông Võ Văn T có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn bà Vương Thị L, Hội đồng xét xử nhận định đây là vụ án "ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền: Do bị đơn bà Vương Thị L đang cư trú tại số 167, tổ 4, khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương, căn cứ vào Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Bình Dương.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Võ Văn T và bà Vương Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1966, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà L thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm ông T và vợ chồng đã không chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay. Vì vậy, ông T thấy không thể chung sống được nữa đã làm đơn ly hôn bà L.

Xét thấy, ông Võ Văn T và bà Vương Thị L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1966, không tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Theo Điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định "Trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987 mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn…", đến nay ông T, bà L vẫn chưa đăng ký kết hôn thì quan hệ hôn nhân giữa ông T, bà L vẫn được pháp luật công nhận.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp có thỏa thuận khác… Qua xác minh tại địa phương được biết, ông T, bà L đã không chung sống với nhau hơn mười năm nay, không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Thấy rằng, mâu thuẫn giữa ông T, bà L trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tình theo điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận là phù hợp.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Võ Văn T đối với bị đơn bà Vương Thị L, cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Võ Văn T được ly hôn đối với bà Vương Thị L.

2. Về con chung: Hiện các con chung đã trưởng thành nên không đặt vấn đề giải quyết.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không tranh chấp nên không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về án phí: Ông Võ Văn T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012208 ngày 02/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương theo Luật định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện D;
- CCTHADS huyện D;
- UBND thị trấn D;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Huyền